

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ 1 NĂM 2016**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**



**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1,490,324,483,345</b>	<b>1,470,368,485,756</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V1</b>	<b>416,054,854,698</b>	<b>372,600,229,370</b>
1 Tiền	111		90,040,756,723	56,096,146,037
2 Các khoản tương đương tiền	112		326,014,097,975	316,504,083,333
<b>II Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>61,888,492,690</b>	<b>61,741,580,440</b>
1 Chứng khoán kinh doanh	121	V2a	141,722,199,042	141,722,199,042
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V2a	(79,833,706,352)	(79,980,618,602)
3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>980,035,254,822</b>	<b>1,011,889,086,638</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V3	315,421,129,892	300,047,041,553
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V4	77,630,951,757	101,925,018,727
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V5	26,126,000,000	27,400,000,000
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	V6a	567,650,967,483	589,310,820,668
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V7	(6,793,794,310)	(6,793,794,310)
8 Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>13,962,197,599</b>	<b>14,111,209,966</b>
1 Hàng tồn kho	141	V8	13,962,197,599	14,111,209,966
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>18,383,683,536</b>	<b>10,026,379,342</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V9a	2,145,110,918	1,940,905,830
2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V17a; V17b	7,863,871,248	3,356,747,537
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V17a; V17b	5,912,115,582	4,728,725,975
4 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5 Tài sản ngắn hạn khác	155		2,462,585,788	-

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành và phải đọc cùng Thuyết minh báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2016****Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4,748,598,501,819</b>	<b>4,740,628,280,233</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>88,916,882,500</b>	<b>89,275,632,500</b>
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2 Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3 Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4 Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5 Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6 Phải thu dài hạn khác	216	V6b	88,916,882,500	89,275,632,500
7 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>337,294,082,545</b>	<b>396,628,165,366</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V10	279,280,461,475	366,509,675,436
- Nguyên giá	222		810,044,746,396	1,008,388,933,784
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(530,764,284,921)	(641,879,258,348)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224	V11	55,018,884,983	26,831,696,565
- Nguyên giá	225		61,588,035,404	31,462,733,435
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(6,569,150,421)	(4,631,036,870)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V12	2,994,736,087	3,286,793,365
- Nguyên giá	228		11,458,486,153	11,458,486,153
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8,463,750,066)	(8,171,692,788)
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>77,720,133,069</b>	<b>41,269,071,840</b>
1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V13	77,720,133,069	41,269,071,840
<b>V Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4,203,864,879,439</b>	<b>4,186,153,177,271</b>
1 Đầu tư vào công ty con	251	V2b	2,909,820,249,428	2,858,478,249,428
2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V2b	1,240,186,255,376	1,240,186,255,376
3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V2b	326,872,332,000	326,872,332,000
4 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V2b	(273,013,957,365)	(239,383,659,533)
5 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>40,802,524,266</b>	<b>27,302,233,256</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V9b	28,518,446,500	15,018,155,490
2 Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V14	12,284,077,766	12,284,077,766
3 Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4 Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>6,238,922,985,164</b>	<b>6,210,996,765,989</b>

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành và phải đọc cùng Thuyết minh báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016****Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1,646,691,936,367</b>	<b>1,652,215,947,732</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>647,784,717,494</b>	<b>673,754,218,810</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V15	80,578,984,490	76,767,735,737
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V16	11,242,544,161	8,330,376,271
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V17a; V17b	1,182,776,384	721,196,738
4 Phải trả người lao động	314	V18	4,453,976,502	19,125,674,880
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V19	175,252,244,760	162,206,155,736
6 Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7 Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V20a	44,306,976,507	52,295,738,531
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V21a	263,581,404,927	282,155,810,640
11 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V22	59,129,831,814	59,783,861,859
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V23	8,055,977,949	12,367,668,418
13 Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>998,907,218,873</b>	<b>978,461,728,922</b>
1 Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2 Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3 Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4 Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5 Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7 Phải trả dài hạn khác	337	V20b	1,747,008,215	543,506,515
8 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V21b	986,648,926,494	967,058,882,476
9 Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10 Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V24	10,511,284,164	10,859,339,931
12 Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**


Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

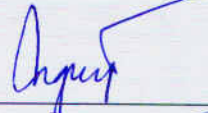
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2016****Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>4,592,231,048,797</b>	<b>4,558,780,818,257</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>4,592,231,048,797</b>	<b>4,558,780,818,257</b>
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411	V25	1,196,219,940,000	1,196,219,940,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,196,219,940,000	1,196,219,940,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2 Thặng dư vốn cổ phần	412	V25	2,471,474,474,400	2,471,474,474,400
3 Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4 Vốn khác của chủ sở hữu	414	V25	69,388,382,902	69,388,382,902
5 Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V25	(436,488,048)	(432,646,448)
8 Quỹ đầu tư phát triển	418	V25	52,564,113,317	52,564,113,317
9 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V25	49,450,048,410	49,450,048,410
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V25	753,570,577,816	720,116,505,676
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		720,116,505,676	564,331,722,160
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		33,454,072,140	155,784,783,516
12 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1 Nguồn kinh phí	431		-	-
2 Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>6,238,922,985,164</b>	<b>6,210,996,765,989</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2016



  
 Trương Như Nguyên  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Minh Nguyệt  
 Kế toán trưởng

  
 Đỗ Văn Minh  
 Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**


Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

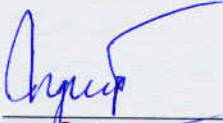
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHƯA HỢP NHẤT  
Quý 1 năm 2016**

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>197,111,851,339</b>	<b>207,077,466,869</b>	<b>197,111,851,339</b>	<b>207,077,466,869</b>
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
<b>3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>197,111,851,339</b>	<b>207,077,466,869</b>	<b>197,111,851,339</b>	<b>207,077,466,869</b>
4 Giá vốn hàng bán	164,938,760,061	194,410,785,925	164,938,760,061	194,410,785,925
<b>5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>32,173,091,278</b>	<b>12,666,680,944</b>	<b>32,173,091,278</b>	<b>12,666,680,944</b>
6 Doanh thu hoạt động tài chính	131,805,682,426	89,772,237,026	131,805,682,426	89,772,237,026
7 Chi phí tài chính	49,977,727,875	56,164,707,860	49,977,727,875	56,164,707,860
Trong đó :				
- Chi phí lãi vay	16,480,837,741	15,509,338,483	16,480,837,741	15,509,338,483
8 Chi phí bán hàng	1,229,604,584	1,086,529,352	1,229,604,584	1,086,529,352
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	27,212,570,095	11,884,866,011	27,212,570,095	11,884,866,011
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>85,558,871,150</b>	<b>33,302,814,747</b>	<b>85,558,871,150</b>	<b>33,302,814,747</b>
11 Thu nhập khác	836,761,682	247,430,331	836,761,682	247,430,331
12 Chi phí khác	52,716,153,975	158,400,000	52,716,153,975	158,400,000
<b>13 Lợi nhuận khác</b>	<b>(51,879,392,293)</b>	<b>89,030,331</b>	<b>(51,879,392,293)</b>	<b>89,030,331</b>
<b>14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>33,679,478,857</b>	<b>33,391,845,078</b>	<b>33,679,478,857</b>	<b>33,391,845,078</b>
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	573,462,484	595,366,290	573,462,484	595,366,290
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(348,055,767)	(382,861,344)	(348,055,767)	(382,861,344)
<b>17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>33,454,072,140</b>	<b>33,179,340,132</b>	<b>33,454,072,140</b>	<b>33,179,340,132</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2016

  
 Trương Như Nguyên  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Minh Nguyệt  
 Kế toán trưởng

  
 Đỗ Văn Minh  
 Tổng Giám đốc

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Thuyết minh báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****(Theo phương pháp gián tiếp)****Quý 1 năm 2016**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	33,679,478,857	33,391,845,078
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	18,925,456,433	17,288,590,378
- Các khoản dự phòng	03	33,483,385,582	(8,356,919,008)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(16,061,500,009)	11,006,203,392
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(67,130,940,307)	(86,657,304,384)
- Chi phí lãi vay	06	16,480,837,741	15,509,338,483
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	19,376,718,297	(17,818,246,061)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	49,150,764,996	(5,031,386,628)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	149,012,367	1,788,086,906
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	10,980,561,962	6,036,078,300
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(13,704,496,098)	(7,743,305,896)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(986,153,241)	(226,984,686)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1,756,852,091)	(20,500,155,187)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	2,042,104,500
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4,311,690,469)	(3,893,559,520)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>58,897,865,723</b>	<b>(45,347,368,272)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(80,402,836,676)	(67,638,862,316)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	46,375,461,553	2,090,909,090
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4,500,000,000)	(356,484,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	20,950,000,000	456,288,363,638

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Thuyết minh báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2016****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(51,342,000,000)	(49,256,500,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	80,566,320,086	20,657,304,384
		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>11,646,944,963</b>	<b>5,657,214,796</b>
		-	-
		-	-
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
		-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	21,452,627,571
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(25,387,805,252)	(72,485,446,292)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(1,703,467,829)	(1,062,225,567)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(27,091,273,081)</b>	<b>(52,095,044,288)</b>
		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>43,453,537,605</b>	<b>(91,785,197,764)</b>
		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>372,600,229,370</b>	<b>568,365,071,697</b>
		-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1,087,723	-
		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>416,054,854,698</b>	<b>476,579,873,933</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2016



*Trương Như Nguyên*  
Trương Như Nguyên  
Người lập biểu

*Nguyễn Minh Nguyệt*  
Nguyễn Minh Nguyệt  
Kế toán trưởng

*Đỗ Văn Minh*  
Đỗ Văn Minh  
Tổng Giám đốc



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ 1 NĂM 2016**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :  
Công ty cổ phần Gemadept kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty cổ phần Gemadept bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.
  - Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ, cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng nước sâu Gemalink Cái Mép và cảng Gemadept Hoa Sen.
  - Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không...
  - Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
  - Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm: dự án Khu phức hợp Saigon Gem và dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**  
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. **Cấu trúc Công ty**  
**Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết (Xem thuyết minh số V.2c)**

**Các Đơn vị trực thuộc và chi nhánh**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp vận tải tàu biển Hữu Nghị	Số 2A - 4A Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Xí nghiệp vận tải Thái Bình Dương	Lầu 15, số 35 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Đà Nẵng	39 Quang Trung, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Chi nhánh Cần Thơ	80-82-84 Lê Hồng Phong, Phường Bình Thủy, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
Chi nhánh Campuchia	193C đại lộ Mao Tse Toung, Phường Beung Traback, Quận Chamkarmon, Thủ đô Phnom Penh, Campuchia

6. **Nhân viên**  
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 Công ty có 293 nhân viên đang làm việc (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 294 nhân viên).



## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Quý 1 năm 2016 bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho quý bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc quý được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quý từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc quý sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc quý được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc quý. Trường hợp tại ngày kết thúc quý thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc quý.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, quý phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong quý và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016**

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### ***Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết***

#### ***Công ty con***

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

#### ***Công ty liên doanh***

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

#### ***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

#### ***Ghi nhận ban đầu***

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### ***Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết***

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho bao gồm nguyên nhiên liệu và hàng hóa. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào giá vốn hàng bán

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### *Chi phí bảo hiểm*

Chi phí bảo hiểm phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian của hợp đồng bảo hiểm.

#### *Chi phí trang trí nội thất*

Chi phí trang trí nội thất được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### *Chi phí lãi thuê tài chính container*

Chi phí lãi thuê tài chính container được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 06 năm.

#### *Chi phí công cụ, dụng cụ, sửa chữa tài sản*

Chi phí công cụ, dụng cụ, sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### *Chi phí trả trước khác*

Chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

### 8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của thiết bị và phương tiện vận tải là 06 năm.

**11. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 – 08 năm.

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.



**13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc quý.

**14. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

**15. Vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

### 16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**19. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

**20. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc quý và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc quý và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.316.128.105	3.333.085.934
Tiền gửi ngân hàng	83.670.621.466	49.787.428.379
Tiền đang chuyển	3.054.007.152	2.975.631.724
Các khoản tương đương tiền ( <i>tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i> )	<u>326.014.097.975</u>	<u>316.504.083.333</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>416.054.854.698</u></b>	<b><u>372.600.229.370</u></b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

#### 2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối quý			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Cổ phiếu</b>						
Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Dân	94.971.030.000	39.883.487.100	(55.087.542.900)	94.971.030.000	46.180.879.800	(48.790.150.200)
Công ty cổ phần thép Thủ Đức	31.488.264.362	19.982.925.000	(11.505.339.362)	31.488.264.362	13.854.828.000	(17.633.436.362)
Công ty cổ phần khoáng sản Mangan	14.234.321.100	993.751.000	(13.240.570.100)	14.234.321.100	677.557.500	(13.556.763.600)
Các cổ phiếu khác	<u>1.028.583.580</u>	<u>1.440.345.900</u>	<u>(253.990)</u>	<u>1.028.583.580</u>	<u>1.267.042.800</u>	<u>(268.440)</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>141.722.199.042</u></b>	<b><u>62.300.509.000</u></b>	<b><u>(79.833.706.352)</u></b>	<b><u>141.722.199.042</u></b>	<b><u>61.980.308.100</u></b>	<b><u>(79.980.618.602)</u></b>

Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Dân đang phong tỏa với số lượng là 6.800.000 cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác****Đầu tư vào công ty con**

<b>Tên công ty con</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp trên vốn điều lệ (%)</b>		<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>Theo giấy phép</b>	<b>Thực Góp</b>		
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	81,60	81,60	41.730.000.000	41.730.000.000
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	100,00	100,00	35.000.000.000	35.000.000.000
Gemadept (Malaysia) Sdn Bhd	100,00	100,00	15.206.200.000	15.206.200.000
Gemadept (S) Pte Ltd	100,00	100,00	15.207.300.000	15.207.300.000
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	55,00	3,35	2.343.651.753	2.343.651.753
Công ty TNHH cảng Phước Long	100,00	100,00	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH ISS Gemadept	51,00	51,00	1.637.304.000	1.637.304.000
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept	100,00	100,00	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty cổ phần Gemadept Vũng Tàu	70,00	70,00	67.200.000.000	67.200.000.000
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadept	51,00	51,00	70.866.282.735	70.866.282.735
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	50,00	50,00	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	100,00	23,92	23.924.332.310	23.924.332.310
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ <sup>(i)</sup>	46,00	46,00	27.600.000.000	27.600.000.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải <sup>(ii)</sup>	99,98	99,98	424.383.000.000	424.383.000.000
Công ty TNHH MTV vận tải hàng hải Thái Bình Dương	100,00	35,00	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty TNHH MTV logistics Biển Sáng	100,00	21,82	2.182.000.000	2.182.000.000
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	100,00	50,00	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương	100,00	13,62	81.700.000.000	81.700.000.000
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương <sup>(iii)</sup>	100,00	97,87	573.667.628.630	522.325.628.630
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương	100,00	70,56	745.547.100.000	745.547.100.000
Công ty cổ phần Niềm tự hào Thái Bình Dương <sup>(iv)</sup>	100,00	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tên công ty con	Tỷ lệ vốn góp trên vốn điều lệ (%)		Số cuối quý	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực Góp		
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	84,66	84,66	338.625.450.000	338.625.450.000
Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương	100,00	10,00	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty cổ phần Logistics Nam Hải	65,00	65,00	78.000.000.000	78.000.000.000
<b>Cộng</b>			<b><u>2.909.820.249.428</u></b>	<b><u>2.858.478.249.428</u></b>

- (i) Công ty được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Gemadept trước các cuộc họp đại hội đồng cổ đông là 54%.
- (ii) Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Nam Hải đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay dài hạn (xem thuyết minh số V.21b).
- (iii) Tăng do góp vốn bổ sung.
- (iv) Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số 201600094 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 28/01/2016.

**Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ vốn góp trên vốn điều lệ (%)		Số cuối quý	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực góp		
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	45,00	45,00	62.538.064.097	62.538.064.097
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	26,78	26,78	9.642.000.000	9.642.000.000
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam	49,00	49,00	5.110.700.000	5.110.700.000
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	40,00	11,43	18.754.608.143	18.754.608.143
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	38,03	38,03	23.236.200.000	23.236.200.000
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	29,43	29,43	141.250.000.000	141.250.000.000
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm	26,56	26,56	49.825.280.000	49.825.280.000
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept-Terminal Link	41,67	41,67	834.150.000.000	834.150.000.000
Công ty TNHH Golden Globe	40,00	36,13	89.355.403.136	89.355.403.136
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadept	50,00	50,00	6.324.000.000	6.324.000.000
<b>Cộng</b>			<b><u>1.240.186.255.376</u></b>	<b><u>1.240.186.255.376</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải	165.581.032.000	165.581.032.000
Công ty TNHH CJ Việt Nam	140.415.300.000	140.415.300.000
Công ty cổ phần chứng khoán công nghiệp Việt Nam	15.876.000.000	15.876.000.000
Công ty cổ phần quản lý quỹ Trí Tuệ Việt Nam	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>326.872.332.000</u></b>	<b><u>326.872.332.000</u></b>

*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(113.572.432.000)	(113.572.432.000)
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	(99.606.297.148)	(66.766.361.565)
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	(56.370.027.393)	(55.905.271.935)
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	(3.465.200.824)	(3.139.594.033)
<b>Cộng</b>	<b><u>(273.013.957.365)</u></b>	<b><u>(239.383.659.533)</u></b>

*Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept – Dung Quất</b>			
Lãi cho vay	-	-	425.000.000
Cổ tức được chia	-	-	21.000.000.000
<b>Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.</b>			
Chi phí dịch vụ đại lý	126.707.712	126.707.712	125.046.117
<b>Gemadept (S) Pte. Ltd.</b>			
Chi hộ	3.617.272.200	3.617.272.200	3.561.947.537
Chi phí dịch vụ	14.597.979.500	14.597.979.500	11.222.556.407
<b>Công ty TNHH cảng Phước Long</b>			
Cho vay	2.000.000.000	2.000.000.000	35.000.000.000
Chi phí dịch vụ	5.144.656.507	5.144.656.507	3.975.546.694
Chi hộ	83.955.816	83.955.816	48.356.336
Doanh thu dịch vụ, cho thuê tài sản	23.357.985.910	23.357.985.910	3.729.090.910
Lãi cho vay	407.827.777	407.827.777	1.187.666.667
<b>Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept</b>			
Lợi nhuận được chia	25.000.000.000	25.000.000.000	-
Chi hộ	740.573.107	740.573.107	-
Lãi cho vay	-	-	878.406.111

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu vận tải	3.100.168.846	1.266.148.252
Chi phí dịch vụ	6.179.730.858	18.676.675.780
Thu hộ	5.579.652.324	-
<b><i>Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng</i></b>		
Doanh thu dịch vụ	22.572.054.440	9.049.568.040
Chi phí dịch vụ	17.420.395.253	14.412.626.500
Chi hộ	47.026.702	12.425.978
Lợi nhuận được chia	-	4.000.000.000
<b><i>Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ</i></b>		
Doanh thu cho thuê tài sản	1.080.000.000	1.080.000.000
Cổ tức được chia	-	9.000.000.000
<b><i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải</i></b>		
Cổ tức được chia	57.000.000.000	46.000.000.000
Doanh thu dịch vụ	1.200.000.000	1.200.000.000
Chi phí dịch vụ	229.934.893	323.414.320
<b><i>Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương</i></b>		
Chi hộ	99.357.667	88.455.000
Góp vốn	-	600.000.000
<b><i>Công ty TNHH dịch vụ tín học Vĩ Tín</i></b>		
Chi hộ	307.865.545	343.865.040
<b><i>Công ty cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương</i></b>		
Góp vốn	51.342.000.000	-
Chi hộ	-	36.833.680
<b><i>Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept-Terminal Link</i></b>		
Doanh thu cho thuê văn phòng	66.000.000	75.675.000
Lãi vay	100.130.626	96.411.297
<b><i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ</i></b>		
Lãi cho vay	-	2.578.154.999
Chi phí dịch vụ	555.408.041	-
Doanh thu dịch vụ	4.090.909.089	-
Cổ tức được chia	33.862.545.000	-
<b><i>Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn</i></b>		
Chi phí dịch vụ	5.150.880	98.883.652
<b><i>Công ty cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương</i></b>		
Góp vốn	-	42.832.500.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu</i> Cổ tức được chia	1.253.460.000	-
<i>Công ty TNHH MTV vận tải hàng hải Thái Bình Dương</i> Chi hộ	68.541.083	47.789.261
<i>Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadept</i> Góp vốn	-	5.324.000.000
<i>Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm</i> Lãi cho vay	828.000.000	-
<i>Công ty TNHH ISS Gemadept</i> Doanh thu dịch vụ	3.984.050	-
<i>Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương</i> Góp vốn	-	500.000.000
<i>Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương</i> Doanh thu dịch vụ	746.297.634	-
<b>3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	220.780.776.671	201.796.755.008
<i>Gemadept (S) Pte. Ltd.</i>	134.842.630.644	129.714.795.929
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i>	55.588.106.225	39.006.272.049
<i>Các bên liên quan khác</i>	30.350.039.802	33.075.687.030
Phải thu các khách hàng khác	94.640.353.221	98.250.286.545
<b>Cộng</b>	<u><b>315.421.129.892</b></u>	<u><b>300.047.041.553</b></u>
<b>4. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	4.389.356.995	13.791.398.392
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i>	4.389.356.995	9.561.825.978
<i>Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept</i>	-	4.229.572.414
Trả trước cho người bán khác	73.241.594.762	88.133.620.335
<i>Công ty TNHH sản xuất xây dựng thương mại dịch vụ Đất Việt</i>	2.938.860.000	19.928.394.000
<i>Công ty TNHH sản xuất – thương mại Huy Hiền</i>	-	13.728.484.429
<i>Công ty cổ phần thương mại cơ khí Tân Thanh</i>	13.760.750.000	-
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	56.541.984.762	54.476.741.906
<b>Cộng</b>	<u><b>77.630.951.757</b></u>	<u><b>101.925.018.727</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2016****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH cảng Phước Long	8.450.000.000	27.400.000.000
Các tổ chức khác	17.676.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>26.126.000.000</u></b>	<b><u>27.400.000.000</u></b>

**6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	491.133.175.448	504.917.949.019
<i>Công ty cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương – Các khoản chi hộ dự án cao su</i>	107.955.026.998	108.211.014.536
<i>Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept – Lợi nhuận được chia và các khoản chi hộ</i>	187.922.387.612	181.240.319.384
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải – Cổ tức được chia và các khoản chi hộ</i>	57.013.314.874	60.000.000.000
<i>Gemadept (S) Pte. Ltd. – Các khoản chi hộ</i>	102.188.251.929	99.307.530.261
<i>Các bên liên quan khác</i>	36.054.194.035	56.159.084.838
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	76.517.792.035	84.392.871.649
Tạm ứng	40.639.321.142	39.968.465.285
<i>Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý</i>	12.689.024.672	20.147.931.973
<i>Các khoản phải thu ngắn hạn khác</i>	23.189.446.221	24.276.474.391
<b>Cộng</b>	<b><u>567.650.967.483</u></b>	<b><u>589.310.820.668</u></b>

**6b. Phải thu dài hạn khác**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	44.490.000.000	44.840.000.000
<i>Gemadept (S) Pte. Ltd. – Ký quỹ thuê tàu</i>	44.490.000.000	44.840.000.000
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	44.426.882.500	44.435.632.500
<i>Công ty TNHH Sông Hằng – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân</i>	19.000.000.000	19.000.000.000
<i>Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics</i>	18.000.000.000	18.000.000.000
<i>Các khoản ký quỹ</i>	7.426.882.500	7.435.632.500
<b>Cộng</b>	<b><u>88.916.882.500</u></b>	<b><u>89.275.632.500</u></b>

**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Nợ phải thu ngắn hạn</u>	<u>Nợ phải thu dài hạn</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	(6.793.794.310)	-	(6.793.794.310)
Số cuối quý	<b><u>(6.793.794.310)</u></b>	-	<b><u>(6.793.794.310)</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****8. Hàng tồn kho**

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nhiên liệu trên tàu	9.486.044.008	-	7.611.440.598	-
Hàng hóa	4.476.153.591	-	6.499.769.368	-
<b>Cộng</b>	<b>13.962.197.599</b>	<b>-</b>	<b>14.111.209.966</b>	<b>-</b>

**9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	1.114.804.742	996.411.349
Chi phí vật tư	268.349.688	494.585.139
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	761.956.488	449.909.342
<b>Cộng</b>	<b>2.145.110.918</b>	<b>1.940.905.830</b>

**9b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí lãi thuê tài chính container	15.791.346.086	8.567.561.720
Chi phí sửa chữa tài sản	11.522.740.757	5.309.441.142
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.204.359.657	1.141.152.628
<b>Cộng</b>	<b>28.518.446.500</b>	<b>15.018.155.490</b>

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	7.281.263.332	105.763.617.002	888.101.281.729	7.242.771.721	1.008.388.933.784
Tăng trong quý	-	-	27.018.035.399	-	27.018.035.399
Giảm trong quý	-	(1.713.950.755)	(223.624.861.610)	-	(225.338.812.365)
Ảnh hưởng của tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo	-	-	(22.309.672)	(1.100.750)	(23.410.422)
<b>Số cuối quý</b>	<b>7.281.263.332</b>	<b>104.049.666.247</b>	<b>691.472.145.846</b>	<b>7.241.670.971</b>	<b>810.044.746.396</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	6.229.769.682	102.287.748.271	526.145.479.739	7.216.260.656	641.879.258.348
Tăng trong quý	85.990.890	175.078.968	16.429.542.242	4.673.504	16.695.285.604
Giảm trong quý	-	(1.713.950.755)	(126.088.549.776)	-	(127.802.500.531)
Ảnh hưởng của tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo	-	-	(6.633.130)	(1.125.370)	(7.758.500)
<b>Số cuối quý</b>	<b>6.315.760.572</b>	<b>100.748.876.484</b>	<b>416.479.839.075</b>	<b>7.219.808.790</b>	<b>530.764.284.921</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	1.051.493.650	3.475.868.731	361.955.801.990	26.511.065	366.509.675.436
<b>Số cuối quý</b>	<b>965.502.760</b>	<b>3.300.789.763</b>	<b>274.992.306.771</b>	<b>21.862.181</b>	<b>279.280.461.475</b>

Nhà cửa, vật kiến trúc bao gồm giá trị quyền sử dụng đất của 2 căn nhà tại số 39 và 40 Quang Trung, TP. Đà Nẵng chưa được định giá.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỨA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016**

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 107.188.352.849 VND và 73.618.446.494 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn (xem thuyết minh số V.21b).

**11. Tài sản cố định thuê tài chính**

	<b>Thiết bị và phương tiện vận tải</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	31.462.733.435
Thuê tài chính trong quý	30.125.301.969
<b>Số cuối quý</b>	<b>61.588.035.404</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>	
Số đầu năm	4.631.036.870
Khấu hao trong quý	1.938.113.551
<b>Số cuối quý</b>	<b>6.569.150.421</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	26.831.696.565
<b>Số cuối quý</b>	<b>55.018.884.983</b>

**12. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Chương trình phần mềm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	1.250.403.410	10.208.082.743	11.458.486.153
<b>Số cuối quý</b>	<b>1.250.403.410</b>	<b>10.208.082.743</b>	<b>11.458.486.153</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	8.171.692.788	8.171.692.788
Khấu hao trong quý	-	292.057.278	292.057.278
<b>Số cuối quý</b>	<b>-</b>	<b>8.463.750.066</b>	<b>8.463.750.066</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	1.250.403.410	2.036.389.955	3.286.793.365
<b>Số cuối quý</b>	<b>1.250.403.410</b>	<b>1.744.332.677</b>	<b>2.994.736.087</b>

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.21a).

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí mua sắm tài sản cố định. Chi tiết như sau:

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Chi phí phát sinh trong quý</b>	<b>Kết chuyển vào TSCĐ trong quý</b>	<b>Số cuối quý</b>
Phần mềm GSS	630.000.000	-	-	630.000.000
Phần mềm Oracle	6.493.714.058	2.154.938.232	-	8.648.652.290

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong quý</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong quý</u>	<u>Số cuối quý</u>
Chi phí mua cầu, xe nâng	31.679.789.600	36.672.441.177	-	68.352.230.777
Chi phí khác	2.465.568.182	15.832.360.489	(18.208.678.669)	89.250.002
<b>Cộng</b>	<b>41.269.071.840</b>	<b>54.659.739.898</b>	<b>(18.208.678.669)</b>	<b>77.720.133.069</b>

**14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	22.875.565.990	19.707.203.376
<i>Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng</i>	21.451.182.544	16.058.102.740
<i>Các bên liên quan khác</i>	1.424.383.446	3.649.100.636
Phải trả các nhà cung cấp khác	57.703.418.500	57.060.532.361
<i>Phnom Penh Autonomous Port</i>	6.505.773.564	9.271.312.848
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	51.197.644.936	47.789.219.513
<b>Cộng</b>	<b>80.578.984.490</b>	<b>76.767.735.737</b>

**16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	858.500.000	-
<i>Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng</i>	858.500.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	10.384.044.161	8.330.376.271
<i>Công ty TNHH Express Trains Ath</i>	1.750.000.000	1.750.000.000
<i>Sea Consortium Pte Ltd</i>	-	3.981.636.890
<i>Công ty TNHH Sinokor Việt Nam</i>	2.052.625.851	-
<i>Các khách hàng khác</i>	6.581.418.310	2.598.739.381
<b>Cộng</b>	<b>11.242.544.161</b>	<b>8.330.376.271</b>

**17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước****17a. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước tại Việt Nam**

- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số được khấu trừ trong quý</u>	<u>Số đã khấu trừ trong quý</u>	<u>Số cuối quý</u>
Thuế GTGT	3.356.747.537	12.968.067.125	(9.560.054.014)	6.764.760.648
<b>Cộng</b>	<b>3.356.747.537</b>	<b>12.968.067.125</b>	<b>(9.560.054.014)</b>	<b>6.764.760.648</b>

- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phát sinh trong quý</u>	<u>Số cuối quý</u>
Thuế GTGT	3.040.540.898	-	3.040.540.898
Các loại thuế khác	1.688.185.077	1.183.389.607	2.871.574.684

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phát sinh trong quý</u>	<u>Số cuối quý</u>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	481.646.564	1.183.389.607	1.665.036.171
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyên nhượng BDS</i>	892.174.402	-	892.174.402
<i>Thuế môn bài</i>	900.000	-	900.000
<i>Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác</i>	313.464.111	-	313.464.111
<b>Cộng</b>	<b>4.728.725.975</b>	<b>1.183.389.607</b>	<b>5.912.115.582</b>

## - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong quý</u>	<u>Số đã nộp trong quý</u>	<u>Số cuối quý</u>
Thuế GTGT	-	783.482.664	(783.482.664)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	36.520.318	(36.520.318)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	474.327.482	(474.327.482)	-
Thuế thu nhập cá nhân	69.291.041	3.030.170.243	(2.965.065.659)	134.395.625
Thuế môn bài	-	6.000.000	(6.000.000)	-
Thuế GTGT nhà thầu	407.495.008	1.610.499.532	(1.842.723.931)	175.270.609
Thuế TNDN nhà thầu	78.632.186	1.865.966.747	(1.235.979.043)	708.619.890
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	171.610.000	(171.610.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>555.418.235</b>	<b>7.978.576.986</b>	<b>(7.515.709.097)</b>	<b>1.018.286.124</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII quý họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

**Thuế nhà đất**

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**17b. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước tại Campuchia**

- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2016****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số được khấu trừ trong quý</u>	<u>Số đã khấu trừ trong quý</u>	<u>Số cuối quý</u>
Thuế GTGT	-	1.149.252.333	(50.141.733)	1.099.110.600
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.149.252.333</b>	<b>(50.141.733)</b>	<b>1.099.110.600</b>

## - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong quý</u>	<u>Số đã nộp trong quý</u>	<u>Số cuối quý</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	165.778.503	97.680.667	(98.968.910)	164.490.260
<b>Cộng</b>	<b>165.778.503</b>	<b>97.680.667</b>	<b>(98.968.910)</b>	<b>164.490.260</b>

**18. Phải trả người lao động**

Tiền lương và các khoản khác phải trả công nhân viên.

**19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	4.035.172.648	3.760.666.699
<i>Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link – Chi phí lãi vay phải trả</i>	4.035.172.648	3.760.666.699
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	171.217.072.112	158.445.489.037
<i>Chi phí lãi vay phải trả</i>	159.751.102.170	145.070.255.864
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn khác</i>	11.465.969.942	13.375.233.173
<b>Cộng</b>	<b>175.252.244.760</b>	<b>162.206.155.736</b>

**20. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****20a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	25.803.868.527	26.632.484.708
<i>Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng – Các khoản thu hộ và phải trả khác</i>	4.325.911.893	4.325.911.893
<i>Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept – Phải trả tiền hỗ trợ vốn</i>	9.348.964.422	10.293.585.975
<i>Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương – Phải trả tiền hỗ trợ vốn</i>	6.037.335.653	6.537.335.653
<i>Công ty TNHH MTV logistics Biển Sáng – Phải trả tiền hỗ trợ vốn</i>	2.142.000.000	2.142.000.000
<i>Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept – Các khoản thu hộ và phải trả khác</i>	1.920.884.393	1.920.884.393
<i>Gemadept (S) Pte. Ltd. – Các khoản thu hộ</i>	423.772.478	427.091.350
<i>Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd. – Các khoản thu hộ</i>	1.039.858.763	969.622.819
<i>Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept – Các khoản thu hộ</i>	565.140.925	16.052.625
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	18.503.107.980	25.663.253.823
<i>Các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý</i>	13.743.622.923	20.943.331.095

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cổ tức phải trả</i>	194.065.350	194.185.350
<i>Các khoản phải trả ngắn hạn khác</i>	4.565.419.707	4.525.737.378
<b>Cộng</b>	<b><u>44.306.976.507</u></b>	<b><u>52.295.738.531</u></b>

**20b. Phải trả dài hạn khác**  
Khoản nhận ký quỹ dài hạn.**21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	240.313.531.852	242.195.602.360
<i>Vay Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link theo lãi suất cố định quy định trong hợp đồng</i>	240.313.531.852	242.195.602.360
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác	23.267.873.075	39.960.208.280
<i>Vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam<sup>(i)</sup></i>	-	22.966.355.252
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	9.685.800.000	9.685.800.000
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</i>	13.582.073.075	7.308.053.028
<b>Cộng</b>	<b><u>263.581.404.927</u></b>	<b><u>282.155.810.640</u></b>

<sup>(i)</sup> Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản như sau:

- Quyền sử dụng đất tọa lạc tại đường Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
- Cầm cố 13.868.960 cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải.

Công ty hoàn toàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

**21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	33.900.300.000	36.321.750.000
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn<sup>(i)</sup></i>	33.900.300.000	36.321.750.000
Vay dài hạn tổ chức khác	893.800.000.000	900.800.000.000
<i>Vay chuyển đổi thành cổ phiếu của VI (Vietnam Investments) Fund II, L.Pii<sup>(ii)</sup></i>	893.800.000.000	900.800.000.000
Nợ thuê tài chính	58.948.626.494	29.937.132.476
<i>Thuê tài chính Intermodal Investment Fund IV LLC</i>	58.948.626.494	29.937.132.476
<b>Cộng</b>	<b><u>986.648.926.494</u></b>	<b><u>967.058.882.476</u></b>

<sup>(i)</sup> Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn để phục vụ hoạt động kinh doanh với thời hạn vay 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.10).



**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- (ii) Vay chuyển đổi thành cổ phiếu của VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P. theo Hợp đồng ngày 18 tháng 6 năm 2012, chi tiết như sau:
- Hạn mức vay : 40.000.000,00 USD
- Thời gian ân hạn : 05 năm kể từ ngày hợp đồng được ký hợp lệ.
- Trả gốc : Tại thời điểm bất quý sau 01 năm kể từ ngày hợp đồng được ký hợp lệ, bên cho vay có quyền nhưng không phải là nghĩa vụ và theo toàn quyền quyết định của bên cho vay, sẽ chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần khoản vay (bao gồm gốc và lãi) chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty.
- Lãi suất : Lãi suất áp dụng đối với khoản cho vay trong thời hạn vay là 6%/năm.
- Mục đích vay : Giải ngân đầu tư cho các dự án phát triển cảng, phát triển dịch vụ logistics, mua sắm phương tiện vận tải, thiết bị xếp dỡ và dự án trồng rừng tại Campuchia.
- Tài sản đảm bảo : Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã được bên cho vay và bên vay chỉ định nhận tài sản đảm bảo theo Hợp đồng đại lý nhận tài sản bảo đảm ngày 17 tháng 7 năm 2012, bao gồm:
- Toàn bộ 999.800 cổ phần của Công ty trong Công ty cổ phần cảng Nam Hải, tương đương 99,98% số cổ phần đã phát hành và đang lưu thông;
  - Toàn bộ quyền sử dụng đất và công trình xây dựng gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp và duy nhất của Công ty cổ phần cảng Nam Hải.

**22. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng các khoản phải trả liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

**23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty bao gồm: quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị.

**24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	10.859.339.931	12.251.562.999
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(348.055.767)	(1.392.223.068)
<b>Số cuối quý</b>	<b><u>10.511.284.164</u></b>	<b><u>10.859.339.931</u></b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

**25. Vốn chủ sở hữu**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.196.219.940.000	1.196.219.940.000
Thặng dư vốn cổ phần	2.471.474.474.400	2.471.474.474.400

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn khác của chủ sở hữu	69.388.382.902	69.388.382.902
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(436.488.048)	(432.646.448)
Quỹ đầu tư phát triển	52.564.113.317	52.564.113.317
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	49.450.048.410	49.450.048.410
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	753.570.577.816	720.116.505.676
<b>Cộng</b>	<b><u>4.592.231.048.797</u></b>	<b><u>4.558.780.818.257</u></b>

**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	119.621.994	119.621.994
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	119.621.994	119.621.994
- Cổ phiếu phổ thông	119.621.994	119.621.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	119.621.994	119.621.994
- Cổ phiếu phổ thông	119.621.994	119.621.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,...	197.111.851.339	207.077.466.869
<b>Cộng</b>	<b><u>197.111.851.339</u></b>	<b><u>207.077.466.869</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý...	164.938.760.061	194.410.785.925
<b>Cộng</b>	<b><u>164.938.760.061</u></b>	<b><u>194.410.785.925</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	646.333.098	3.257.535.875

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền cho vay	1.235.827.777	5.130.338.888
Cổ tức, lợi nhuận được chia	117.166.948.000	81.292.648.728
Lãi chênh lệch tỷ giá	12.756.573.551	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	91.713.535
<b>Cộng</b>	<b><u>131.805.682.426</u></b>	<b><u>89.772.237.026</u></b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này</b>	
	<b><u>Năm nay</u></b>	<b><u>Năm trước</u></b>
Chi phí lãi vay	16.480.837.741	15.509.338.483
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	21.412.087.278
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá đầu tư tài chính	33.483.385.582	2.643.080.992
Lỗ đầu tư chứng khoán	-	14.873.982
Chi phí tài chính khác	13.504.552	16.585.327.125
<b>Cộng</b>	<b><u>49.977.727.875</u></b>	<b><u>56.164.707.860</u></b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này</b>	
	<b><u>Năm nay</u></b>	<b><u>Năm trước</u></b>
Chi phí bán hàng	1.229.604.584	1.086.529.352
<b>Cộng</b>	<b><u>1.229.604.584</u></b>	<b><u>1.086.529.352</u></b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này</b>	
	<b><u>Năm nay</u></b>	<b><u>Năm trước</u></b>
Chi phí nhân viên quản lý	11.094.504.919	9.213.852.253
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.114.471.864	1.044.510.067
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.152.943.590	10.566.609.127
Chi phí khác	1.850.649.722	(8.940.105.436)
<b>Cộng</b>	<b><u>27.212.570.095</u></b>	<b><u>11.884.866.011</u></b>
<b>7. Thu nhập khác</b>	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này</b>	
	<b><u>Năm nay</u></b>	<b><u>Năm trước</u></b>
Lãi thanh lý tài sản cố định	836.761.682	247.430.331
<b>Cộng</b>	<b><u>836.761.682</u></b>	<b><u>247.430.331</u></b>
<b>8. Chi phí khác</b>	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này</b>	
	<b><u>Năm nay</u></b>	<b><u>Năm trước</u></b>
Giá trị còn lại và chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	52.105.471.834	-
Các khoản chi phí khác	610.682.141	158.400.000
<b>Cộng</b>	<b><u>52.716.153.975</u></b>	<b><u>158.400.000</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016**

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.401.041.186	47.210.834.533
Chi phí nhân công	21.623.546.898	20.715.547.438
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.925.456.433	15.006.573.846
Chi phí dịch vụ mua ngoài	122.730.054.579	124.087.288.093
Chi phí khác	700.835.644	361.937.378
<b>Cộng</b>	<b>193.380.934.740</b>	<b>207.382.181.288</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2016

Trương Như Nguyên  
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt  
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh  
Tổng Giám đốc